

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày: 26-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Tuấn Phong

Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường khối dân vận phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2023 đối với

- Bị cáo:

Lê Văn L, sinh năm 1994, nơi sinh: Huyện C, tỉnh A; nơi cư trú: Tổ V, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Lộc E, sinh năm 1973 và bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1974; bị cáo chung sống như vợ chồng với Trần Thị Huỳnh N; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học đến lớp 4 thì nghỉ.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 21 tháng 10 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Trương Ngọc Kim A, sinh năm 1987,

Địa chỉ: Số A, khóm B, phường B1, thành phố L, tỉnh A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 2002. Địa chỉ: Số D, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh A
2. Dương Hồng P sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A, N, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh A.
3. Hồ Chí V, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số A, đường V, phường A1 thành phố Tr, tỉnh T.
4. Lê Văn Lộc E, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh A
5. Nguyễn Đông H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số S, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 ngày 19 tháng 10 năm 2022, Lê Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu xám, biển số 67M1-668.96 trên đường T, xe này Trần Thị Huỳnh N (chung sống như vợ chồng với L) thuê của anh Nguyễn Đông H. Khi đến đoạn trước ngân hàng Sacombank thuộc tổ S, khóm M1, phường M, thành phố Long Xuyên L phát hiện chị Trương Ngọc Kim A điều khiển xe mô tô chạy phía trước cùng chiều, trong túi áo khoác bên trái có để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt.

Thực hiện ý định này, L điều khiển xe mô tô áp sát bên trái xe mô tô của chị A dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị A, bị cáo để vào hộc xe Vario phía trước bên trái rồi tăng ga bỏ chạy đến quán cà phê C, phường M thì dừng lại vào uống nước. Tại đây, L sử dụng điện thoại Samsung Galaxy S10 đăng nhập vào tài khoản Mesenger của Như nhắn tin với anh Dương Hồng P là chủ cửa hàng điện thoại Phước MA ở khóm Đ, phường M, thành phố L hỏi có mua điện thoại bị khóa icloud không thì anh P trả lời mang đến xem. Sau đó, L điều khiển xe về nhà đưa điện thoại cho N nói của người bạn nhờ bán giúp nên N đem đến tiệm Phước MA bán cho anh Dương Hồng P với giá 7.000.000 đồng L tiền đưa cho L. L cho Như 500.000 đồng, cho ông Lê Văn Lộc E (cha của L) 1.500.000 đồng, còn lại L tiêu xài cá nhân. Đến ngày 21 tháng 10 năm 2022, Công an phường M mời L làm việc thì L thừa nhận hành vi cướp giật điện thoại của chị A như nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max – 256Gb màu vàng, sim số 0947666227.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 màu xanh đen, sim số 0974741252
- Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario màu xám, biển số 67M1-668.96.
- 01 áo sơ mi dài tay sọc caro màu xám xanh, 01 quần Jean dài.

- 01 đĩa CD-R lưu trữ đoạn video ghi lại hình ảnh L chiếm đoạt điện thoại của chị Ái. (bút lục số 10, 61, 84, 91, 100).

Căn cứ kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 259 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, xác định: Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max Pro Max – 256Gb màu vàng trị giá 24.897.000 đồng (bút lục số 36).

Tại cáo trạng số 43/CT-VKSLX-HS ngày 29/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 03 năm đến 04 năm về tội "Cướp giật tài sản".

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Đề nghị:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10, sim số 0974741252 bị cáo dùng để liên lạc bán chiếc điện thoại cướp giật được.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần Jeans dài là tài sản của bị cáo không nhận lại, không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho anh Nguyễn Đông H xe mô tô biển số 67M1-668.96 không liên quan đến việc phạm tội

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho anh Dương Hồng P 7.000.000 đồng

Bị cáo Lê Văn L khA nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Ngày 19 tháng 10 năm 2022, Lê Văn L đã thực hiện hành vi sử dụng xe mô tô Honda Vario màu xám, biển số 67M1-668.96 làm phương tiện để giật chiếc điện thoại di động trị giá 24.897.000 đồng của chị Trần Thị Kim A khi tham gia giao thông cùng chiều. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo sử dụng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm đây là tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải tốn công sức lao động cực nhọc, bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, giữa nơi công cộng đông người qua lại thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của chị A, mà còn gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân, tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ khi mang theo tài sản tham gia giao thông. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[5] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 03 (ba) năm tù

Thời hạn tù tính từ ngày: 21/10/2022.

[2]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng : Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Tịch thu sung ngân sách nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10, sim số 0974741252.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần Jeans dài.

Trả lại cho anh Nguyễn Đông H xe mô tô biển số 67M1-668.96.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L ngày 25/4/2023)

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Dương Hồng P 7.000.000 đ (bảy triệu đồng).

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo và anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an TP. Long Xuyên;
- CQTHAHS Công an TP. Long Xuyên;
- CQĐT Công an TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc Việt